| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2021
*V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Nguyễn Thị Ngọc Bích

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Minh
2. Bà Nguyễn Thị Quy

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 03/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11a/2021/QĐXX-ST ngày 06/5/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987;

*Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1985.

Đều ĐKHKTT: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương

( *Chị L vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất

đồng quan điểm sống. Hơn Thế anh H thường xuyên uống rượu, khi về nhà còn đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Tuy đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng thêm. Trong quá trình chung sống cùng anh H, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống 03 lần, 2 lần đầu suy nghĩ vì con cái nên chị đã cho anh H cơ hội để thay đổi nhưng về nhà được một thời gian ngắn, anh H lại tiếp tục uống rượu và đánh đập chị. Lần gần đây nhất là vào tháng 11/2020, vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên chị đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Linh, sinh ngày 06/9/2007 và Trần Thế A, sinh ngày 22/7/2010. Nay ly hôn, chị L xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thế A, để anh H được nuôi dưỡng cháu L, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày:* Anh và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có đi uống rượu nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, trong lúc nóng giận không kiềm chế được anh đã đánh chị L, dẫn đến việc chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó, anh có đến tìm chị L để khuyên bảo về đoàn tụ, nhưng khi về nhà được 01 ngày, hôm sau chị L lại bỏ đi, vợ chồng ly thân từ đó cho cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh H có tìm cách liên lạc cho chị L nhưng chị L không nghe máy. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh vẫn muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ. Tuy nhiên chị L vẫn cương quyết ly hôn anh thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Linh, sinh ngày 06/9/2007 và Trần Thế A, sinh ngày 22/7/2010. Nay ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở với ai anh đồng ý theo nguyện vọng của các cháu. Nếu các cháu muốn ở với anh, anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh do UBND xã K cung cấp thể hiện: Vợ chồng chị L, anh H trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình dẫn đến thường xuyên xảy ra việc đánh cãi

nhau, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai bên đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh H, chị xin được nuôi cháu Trần Thế A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt  nên không có quan điểm trình bày tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Trần Thị Ngọc Linh, sinh ngày 06/9/2007 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thế A, sinh ngày 22/7/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cả cháu Thế A và cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L và anh H không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào  khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh H là người thường xuyên uống rượu, khi uống say, anh còn đánh đập chị L, dẫn đến vợ chồng bất hoà, không có tiếng nói chung. Hiện tại hai bên đã ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh H không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H xác định vợ

chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có uống rượu và đánh chị L dẫn đến việc chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân kể từ tháng 11/2020 cho đến nay cắt đứt hoàn toàn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Mặt khác anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không có mặt tại các buổi làm việc của Toà án, điều này cho thấy anh H có ý thức bỏ mặc, không muốn quay lại đoàn tụ cùng chị L để nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị L và anh H thì thấy: Chị L và anh H có hai con chung là Trần Thị Ngọc Linh, sinh ngày 06/9/2007 và Trần Thế A, sinh ngày 22/7/2010, chị L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Thế A và cháu Thế A cũng có nguyện vọng xin đươc ở cùng mẹ, cháu L có nguyện vọng muốn ở cùng anh H và anh H cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu. Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị L và anh H giao cháu Thế A cho chị L, giao cháu L cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh H đều không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H xác định không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L có đơn xin ly hôn nên phải nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thế A, sinh ngày 22/7/2010 cho chị Nguyễn Thị L, giao cháu Trần Thị Ngọc Linh, sinh ngày 06/9/2007 cho anh Trần Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu L và Thế A đều trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L và anh H đều tự nguyện không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001694 ngày 25 tháng 01 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị L, anh H. Chị L, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**